

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST

Ngày: 16-9-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân

- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2025/TLST-KDTM27/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12/08/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H (Việt Nam); trụ sở chính: 12A Đại Lộ Đ, Khu Công Nghiệp V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay phường B Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vương Kim P, Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 010125 tháng 1 năm 2025). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV D1; địa chỉ: Số B, tổ D, khu C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay phường T Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hiếu Khánh D, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số A, đường A, KDC H, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:** Công ty TNHH H (VIỆT NAM) có ký các hợp đồng mua bán xe với Công Ty TNHH MTV D1, hợp đồng số 129V-2024-Duy Nguyễn ngày 29/06/2024; 149V-2024-Duy Nguyen ngày 21/08/2024. như sau:

1. Theo hợp đồng: 129V-2024-DUY NGUYỄN ngày 29/06/2024, CÔNG TY TNHH MTV DUY NGUYỄN đã mua 01 xe nâng sử dụng động cơ dầu mới 100%, số khung FDZN30- 40271 và 01 xe nâng điện sử dụng động cơ điện mới 100%, số khung 8FB25-42557, tổng giá trị hợp đồng là 1.112.400.000 VND đã bao gồm thuế VAT 8%. Công ty TNHH H (Việt Nam) đã tiến hành giao xe theo Biên Bản Bàn Giao Thiếu Bị, được Công ty TNHH MTV D1 nhận xe FDZN30-40271 ngày 01/07/2024 và xe 8FB25-42557 ngày 12/07/2024.

2. Theo hợp đồng: 149V-2024-DUY NGUYỄN ngày 21/08/2024, CÔNG TY TNHH MTV D1 đã mua 02 xe nâng sử dụng động cơ dầu mới 100%, số khung FDZN30-40669; FDZN30-41593 và 01 xe nâng sử dụng động cơ điện mới 100%, số khung 8FB25-48416, tổng giá trị hợp đồng là: 1.625.400.000 VND đã bao gồm thuế VAT 8%. Công ty TNHH H (Việt Nam) đã tiến hành giao xe theo Biên Bản Bàn Giao Thiết Bị, được Công ty TNHH MTV D1 nhận xe FDZN30-40669; FDZN30-41593 ngày 30/08/2024 và xe 8FB25-48416 nhận ngày 07/09/2024

Theo ĐIỀU 4, điều kiện 4.1. Điều kiện thanh toán của các hợp đồng trên, thanh toán 100%, cụ thể như sau:

Đợt 1: Bên Mua sẽ thanh toán cho bên Bán 30% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng này

Đợt 2: Bên Mua sẽ thanh toán cho bên Bán 70% tổng giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 180 ngày (chia đều số tiền còn lại cho 06 tháng) từ khi Bên Mua nhận được hàng và hoá đơn, các chứng từ liên quan

Tính đến ngày 15/01/2025, Công ty chúng tôi đã nhận được các khoản tiền từ Công Ty TNHH MTV D2, cụ thể như sau:

Ngày 01/07/2024, Công Ty TNHH MTV D1 đặt cọc cho hợp đồng 129V-2024-Duy Nguyễn số tiền: 206.000.000VND

Ngày 28/08/2024, Công Ty TNHH MTV D1 đặt cọc cho hợp đồng 149V-2024-Duy Nguyen số tiền: 451.500.000VND

Ngày 28/08/2024, Công Ty TNHH MTV D1 thanh toán lần 01 cho hợp đồng 129V-2024-Duy Nguyen số tiền: 181.200.000 VND

Như vậy, Công Ty TNHH MTV D1 vẫn còn nợ số tiền: 1.899.100.000 VND (Một tỷ tám trăm chín mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) và đã không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản 4.1 của các hợp đồng này.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV D1 trả cho Công ty TNHH H (Việt Nam) với tổng số tiền tiền nợ và tiền lãi chậm trả cần phải thanh toán là 1.920.143.644 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số tiền còn nợ gốc là 1.899.100.000VNĐ (một tỷ tám trăm chín mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) và nợ lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng, được xác định trong thời điểm phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến ngày lập đơn kiện là 21.043.644 đồng (Hai mươi một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

* Bị đơn Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện bị đơn ông Hiếu Khánh D không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối tượng tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1, Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công Ty TNHH MTV D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại các Điều 227 và

238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty TNHH H (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV D1 phải trả số tiền hàng còn nợ là 1.920.143.644 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số tiền còn nợ gốc là 1.899.100.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) và nợ lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng, được xác định trong thời điểm phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến ngày lập đơn kiện là 21.043.644 đồng (Hai mươi một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

[2.2] Xét Hợp đồng mua bán (bao gồm Hợp đồng số 129V-2024-DUY NGUYỄN ngày 29/06/2024 và hợp đồng số 149V-2024-DUY NGUYỄN ngày 21/08/2024) được ký kết giữa Công ty TNHH H (Việt Nam) và Công ty TNHH MTV D1 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MTV D1 đã không thanh toán đầy đủ cho Công ty TNHH H (Việt Nam) số tiền còn nợ và đã không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản 4.1 của các hợp đồng mà hai bên đã ký kết, như vậy Công ty TNHH MTV D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nghĩa vụ thanh toán, hiện Công ty TNHH MTV D1 còn nợ Công ty TNHH H (Việt Nam) với số tiền nợ mà Công ty TNHH MTV D1 còn nợ số tiền là 1.920.143.644 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số tiền còn nợ gốc là 1.899.100.000 đồng và nợ lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng, được xác định trong thời điểm phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến ngày lập đơn kiện là 21.043.644 đồng.

[3] Xét thấy, bị đơn trong quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Công ty TNHH MTV D1 nhưng Công ty TNHH MTV D1 không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn Công ty TNHH MTV D1 vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn và đương sự khác xuất trình và do Tòa án thu thập.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV D1 phải trả số tiền tiền nợ và tiền lãi chậm trả cần phải thanh toán là 1.920.143.644 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số tiền còn nợ gốc là 1.899.100.000 đồng và nợ lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng, được xác định trong thời điểm phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến ngày lập đơn kiện là 21.043.644 đồng theo điều khoản 4.1 của các hợp đồng được ký kết giữa Công ty TNHH H (Việt Nam) và Công ty TNHH MTV D1.

[5] Từ những nhận xét và phân tích trên: Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH MTV D1 về việc thanh toán tổng số tiền tiền nợ và tiền lãi chậm trả cần phải thanh toán là 1.920.143.644 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó số tiền còn nợ gốc là 1.899.100.000 đồng và nợ lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng, được xác định trong thời điểm phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến ngày lập đơn kiện là 21.043.644 đồng.

[6] Ý kiến phát biểu của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, Điều 227, 228, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) đối với Công ty TNHH MTV D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV D1 có trách nhiệm thanh toán tiền nợ và tiền lãi chậm trả cần phải thanh toán là 1.920.143.644 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Trong nợ gốc là 1.899.100.000 đồng và nợ lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng là 21.043.644 đồng cho Công ty TNHH H (Việt Nam).

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Công ty Công ty TNHH MTV D1 phải nộp 69.604.309 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn ba trăm lẻ chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Công ty TNHH H (Việt Nam) không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) số tiền 50.407.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số 0009219 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
- (Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong